

Gia Lai, ngày 02 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH GIA LAI  
Về công tác chỉ đạo, điều hành và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn  
của UBND tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2016- 2021

Đến Số: 1885

Ngày: 08/4/2021

Chuyển:

nhiệm kỳ 2016-2021:

Số và ký hiệu HS: Trong nhiệm kỳ qua, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi; chúng ta đã đoàn kết cùng nhau khắc phục nhiều hạn chế, bất cập và vượt qua nhiều khó khăn, thách thức. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, giá cả các mặt hàng nông sản chủ lực bấp bênh.... đã gây thiệt hại rất nặng nề; đại dịch Covid-19 xảy ra từ đầu năm 2020 và đặc biệt đã xảy ra trên địa bàn tỉnh từ đầu năm 2021 đến nay đã tác động mạnh đến mọi mặt đời sống xã hội; sản xuất kinh doanh đình trệ; lao động thiếu, mất việc làm, giảm sâu thu nhập; hoạt động văn hóa, xã hội và đời sống nhân dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Trong bối cảnh đó, kế thừa những thành quả và kinh nghiệm quý trong quản lý, chỉ đạo điều hành từ các nhiệm kỳ trước, bám sát các chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và tình hình thực tiễn của địa phương, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên tất cả các lĩnh vực. Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự đoàn kết, chung sức, đồng lòng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, cộng đồng doanh nghiệp. Chú trọng triển khai các chính sách nhằm huy động và giải phóng mọi nguồn lực, tạo bước đột phá, phát triển, nỗ lực tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội.

**1. Việc thực hiện Quy chế làm việc của UBND tỉnh:**

Ngày 20/9/2016, UBND tỉnh đã ban hành Quy chế làm việc (Quyết định số 629/QĐ-UBND) của UBND tỉnh nhiệm kỳ 2016-2021, với phương châm hành động “Siết chặt kỷ cương hành chính, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, nâng cao chất lượng tham mưu, phối hợp của các cấp, các ngành”; phân công nhiệm vụ cụ thể và xác định rõ trách nhiệm của từng thành viên trước tập thể UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; quy định chế độ làm việc, hội nghị, đi công tác cơ sở, phân công theo dõi địa bàn...; xác định các nội dung và trách nhiệm của UBND tỉnh trong mối quan hệ với Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể... Trên cơ sở đó, tập thể lãnh đạo và từng cá nhân Ủy viên UBND tỉnh đã phát huy tinh thần trách nhiệm, thống nhất tập trung chỉ đạo, triển khai nghiêm túc các chủ trương, chính sách để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch về kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, đối ngoại đã đề ra trong nhiệm kỳ.

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành chủ động, tích cực đổi mới, cải cách mạnh mẽ; chấp hành nghiêm sự chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, sự giám sát của HĐND tỉnh; thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; bảo đảm hệ thống cơ quan hành chính nhà nước hoạt động thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả. Phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể kết hợp với đề cao trách nhiệm cá nhân trong giải quyết công việc. Kịp thời ban hành và thực hiện hiệu quả các Chương trình công tác trên cơ sở thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Trung ương, Nghị quyết của Đảng, của HĐND tỉnh; cụ thể hóa Chương trình hành động của cả nhiệm kỳ và yêu cầu quản lý, điều hành trên các lĩnh vực phù hợp với tình hình thực tiễn.

Giai đoạn 2016 - 2020, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã thực hiện 175 chuyến công tác làm việc với địa phương, cơ quan, đơn vị cơ sở, chỉ đạo cụ thể, kịp thời tháo gỡ nhiều vấn đề quan trọng, cấp bách. UBND tỉnh đã ban hành 222 văn bản quy phạm pháp luật, 6.267 quyết định, 402 kế hoạch, 102 chỉ thị, 103 công điện, 39.300 văn bản chỉ đạo; đã tổ chức 4.064 cuộc họp, làm việc để xử lý, tháo gỡ vướng mắc.

Thành lập Tổ công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh từ tháng 6/2017 để kiểm tra việc thực hiện quy chế làm việc, kỷ cương kỷ luật, xử lý các vướng mắc liên quan đến doanh nghiệp, người dân, các vấn đề nổi cộm, bức xúc, các nhiệm vụ còn nợ đọng quá hạn. Tổ công tác đã kiểm tra tại 12 đơn vị, địa phương, có hơn 20 cuộc làm việc trực tiếp với các ngành, địa phương.

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã điều hành thực hiện nhiệm vụ quyết liệt, không ngại va chạm, nể nang, né tránh. Bên cạnh việc phát động thi đua, khen thưởng thành tích kịp thời, trong nhiệm kỳ cũng đã xử lý kỷ luật 564 trường hợp (buộc thôi việc 68 trường hợp, cách chức 24 trường hợp, giáng chức 6 trường hợp, hạ bậc lương 6 trường hợp, cảnh cáo 138 trường hợp, khiển trách 342 trường hợp).

Đã tổ chức 640 cuộc thanh tra kinh tế - xã hội, thanh tra chuyên ngành; qua thanh tra, phát hiện sai phạm về tài chính hơn 106 tỷ đồng, kiến nghị thu hồi nộp ngân sách hơn 65 tỷ đồng; kiến nghị chuyển 22 vụ việc sang cơ quan điều tra với số tiền hơn 21 tỷ đồng.

Đã tiếp 17.614 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị, Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND các cấp tiếp công dân định kỳ 8.772 lượt; trong đó có 41 đoàn đông người đến Trụ sở tiếp công dân tỉnh, huyện. Toàn tỉnh đã tiếp nhận 1.432 đơn (932 khiếu nại, 500 tố cáo). Số đơn đã kiểm tra, xác minh và báo cáo kết quả đạt 99,38%. Công tác tự kiểm tra phát hiện tham nhũng được coi trọng, gắn với việc thường xuyên chấn chỉnh, nâng cao trách nhiệm trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng<sup>(1)</sup>.

---

<sup>(1)</sup> Đã tiến hành 66 cuộc kiểm tra, thanh tra trách nhiệm thủ trưởng tại 170 đơn vị trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

## **2. Về triển khai thực hiện các nhiệm vụ do trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh giao:**

### **2.1. Triển khai các nhiệm vụ của Chính phủ giao:**

UBND tỉnh đã xây dựng, triển khai kịp thời các quy định của pháp luật, các chủ trương, chính sách, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương đối với tỉnh. Kịp thời xây dựng, thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách, đầu tư công 5 năm và hàng năm; các nội dung chuyên đề về nâng cao năng lực cạnh tranh, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, cải cách hành chính, các Nghị quyết số 01, 02 hàng năm,... của Chính phủ.

Từ năm 2016-2020, tỉnh được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao 604 nhiệm vụ; có 531 nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn, 16 nhiệm vụ hoàn thành nhưng quá hạn, 57 nhiệm vụ chưa hoàn thành còn thời hạn.

### **2.2. Triển khai các nhiệm vụ của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy giao:**

Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy Chỉ đạo UBND tỉnh triển khai kịp thời các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, XVI và các chương trình trọng tâm triển khai thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy<sup>(2)</sup>; Triển khai thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp theo quy định của Trung ương và Tỉnh ủy (Chương trình số 64-CTr/TU ngày 05/6/2018 của Tỉnh ủy), đảm bảo thu gọn đầu mối, giảm bớt khâu trung gian, quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, gắn với tinh giản biên chế (Đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh; sắp xếp, tổ chức lại 126/1.226 đơn vị sự nghiệp công lập gồm: 52 trường học và 74 đơn vị sự nghiệp, giảm 166 cán bộ quản lý (gồm 111 cấp trưởng và 55 cấp phó). Sắp xếp, sáp nhập giảm 584 thôn, tổ dân phố và 02 xã).

### **2.3. Triển khai các nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giao:**

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 để triển khai thực hiện Nghị quyết số 148/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng 5 năm 2016-2020 của tỉnh Gia Lai.

---

<sup>(2)</sup> Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 03/7/2019 của Tỉnh ủy về bảo tồn và phát triển cây dược liệu; Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 11/11/2019 của Tỉnh ủy về phát triển sản xuất rau, hoa và cây ăn quả; 04 chương trình lớn gồm: Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo và du lịch; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng các vùng động lực; phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030,...

Trong nhiệm kỳ, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành 266 Nghị quyết để triển khai, tổ chức thực hiện các chủ trương chính sách, pháp luật của nhà nước, xây dựng các chính sách, cơ chế đặc thù riêng của tỉnh và kịp thời chỉ đạo, chấn chỉnh, nâng cao hiệu quả quản lý hành chính nhà nước các cấp trên các lĩnh vực,

UBND tỉnh đã nghiêm túc tiếp thu, chỉ đạo, giao trách nhiệm cho các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố kiểm tra, giải quyết kịp thời các ý kiến, kiến nghị của cử tri. Đến nay, về cơ bản các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong nhiệm kỳ - HĐND tỉnh khóa XI đã được tích cực giải quyết phù hợp với điều kiện của tỉnh và đáp ứng cơ bản nhu cầu chính đáng của cử tri (UBND tỉnh tiếp nhận 191 kiến nghị của cử tri, đã giải quyết 185 kiến nghị, đạt 96,86%)<sup>(3)</sup>.

UBND tỉnh đã chủ động thực hiện, phân công các sở, ngành, địa phương, đơn vị chuẩn bị nội dung, điều kiện làm việc với 106 đoàn giám sát, khảo sát của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh và các Ban của HĐND tỉnh.

UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết giám sát của HĐND tỉnh về công tác cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2016; chất lượng đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh; việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát của HĐND tỉnh năm 2016, 2017; việc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2015, 2016 và Thanh tra Chính phủ năm 2014 đối với các đơn vị có liên quan tại tỉnh Gia Lai; tình hình tổ chức thực hiện việc thu hồi diện tích đất rừng bị lấn chiếm, đất rừng không còn rừng trên địa bàn tỉnh từ năm 2017 đến thời điểm giám sát; việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn tỉnh.

### **3. Về công tác phối hợp:**

Với tinh thần trách nhiệm cao, UBND tỉnh đã phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh và Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa ba cơ quan, đạt được nhiều kết quả quan trọng; tích cực, chủ động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo đúng quy định pháp luật và Quy chế phối hợp đã đề ra; phân công lãnh đạo giữ các mối quan hệ thường xuyên với cơ quan, tổ chức; luôn chủ động, tạo điều kiện thuận lợi để các bên liên quan triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ.

UBND tỉnh đã phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh chuẩn bị nội dung, phục vụ các kỳ họp HĐND tỉnh và các phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh. Kịp thời xử lý, chỉ đạo xử lý hoặc kiến nghị lên cấp có thẩm quyền giải quyết các ý kiến, kiến nghị qua các đợt giám sát, khảo sát và các kiến nghị của cử tri, những vấn đề dư luận xã hội quan tâm. Phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh

---

<sup>(3)</sup> Thời gian thống kê số liệu từ tháng 6/2016 đến 12/2020.

thực hiện tốt công tác tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo của công dân đúng quy định.

UBND tỉnh phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên triển khai đồng bộ, hiệu quả các cuộc vận động: “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Làm thay đổi nếp nghĩ cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và phong trào thi đua “Đoàn kết sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, hội nhập quốc tế”. Tiếp tục triển khai các chương trình giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền; kịp thời phản ánh ý kiến, kiến nghị của nhân dân với các cơ quan Đảng, nhà nước; thực hiện các nhiệm vụ chăm lo, đảm bảo an sinh xã hội ... Đặc biệt là việc kịp thời kêu gọi, vận động toàn dân tham gia ủng hộ công tác phòng, chống dịch Covid-19, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, hạn hán,...

#### **4. Việc chỉ đạo, điều hành trên cách lĩnh vực:**

4.1. Đã tranh thủ sự hỗ trợ của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành trung ương. Từ năm 2016-2021, có 11 đợt công tác của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước và gần 100 lượt lãnh đạo các bộ, ngành trung ương đến làm việc với tỉnh. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh, các thành viên UBND tỉnh thường xuyên, chủ động làm việc và tranh thủ sự hỗ trợ của các cơ quan trung ương để tháo gỡ các vướng mắc trong việc thực hiện các nhiệm vụ của tỉnh.

4.2. UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành chủ động, tích cực đổi mới, quyết liệt hành động. Bên cạnh việc chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, sự giám sát của HĐND tỉnh, đã linh hoạt, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

- Đã ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ngành và UBND cấp huyện; ban hành quy định đánh giá trách nhiệm người đứng đầu, đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương thông qua chỉ số DCCI làm cơ sở đánh giá và để các cấp, các ngành nâng cao trách nhiệm. Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư đã đạt được nhiều tiến bộ; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2019 tăng 17 bậc so với năm 2015, chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2019 tăng 9 bậc so với năm 2017.

Đã chuyển 15/17 bộ phận Một cửa UBND cấp huyện, 11 bộ phận Một cửa cấp xã và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bưu điện. Đây được xem là cách làm mới trong cải cách hành chính, mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho người dân và tổ chức, rút ngắn thời gian, giảm chi phí<sup>(4)</sup>.

---

<sup>4</sup> Thời gian cấp đăng ký thành lập doanh nghiệp còn bình quân dưới 1,33 ngày; thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp bình quân 0,98 ngày; đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư

Việc xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4, ứng dụng công nghệ thông tin để làm việc, hội họp, thực hiện thủ tục hành chính qua mạng Internet đã có chuyển biến tích cực, phát huy hiệu quả, nhất là trong thời gian dịch Covid-19 xảy ra. Từ 2016 đến nay toàn tỉnh đã gửi/nhận hơn 6 triệu hồ sơ điện tử, ước tính tiết kiệm hơn 42 tỷ đồng. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn toàn tỉnh đạt 99,3% trên tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trên hệ thống.

4.3. Lãnh đạo UBND tỉnh thường xuyên gặp gỡ, tổ chức giao ban hàng tuần để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư. Đã tổ chức 7 Hội nghị xúc tiến đầu tư trong và ngoài tỉnh, phối hợp với các bộ, ngành trung ương tổ chức 5 đợt quảng bá, xúc tiến, kêu gọi hợp tác, đầu tư nước ngoài (tại Cộng hòa Séc, Nam Phi, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ). 5 năm qua, có 589 dự án đăng ký đầu tư vào tỉnh với tổng vốn đăng ký 815.818 tỷ đồng, tăng gấp 5,6 lần số dự án và tăng 34 lần về vốn so với giai đoạn 2011-2015<sup>(5)</sup>. Dự án sân golf Đak Đoa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư. Đến cuối năm 2020 trên địa bàn tỉnh có 7.008 doanh nghiệp hoạt động, tăng hơn 2 lần so với năm 2015.

4.4. Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn khẳng định vai trò là “trụ đỡ” của nền kinh tế, nhất là trong bối cảnh đại dịch Covid-19; đã tập trung thực hiện tái cơ cấu và phát triển theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, hình thành và phát triển các loại cây trồng có giá trị kinh tế và tính cạnh tranh cao gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm<sup>(6)</sup> với nhiều doanh nghiệp lớn đầu tư vào nông nghiệp trên địa bàn tỉnh (Tập đoàn Lộc trời, Đồng Giao, Trường Hải, De Heus,...). Đã hình thành nhiều liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp<sup>(7)</sup>. Ngay sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, Công ty TNHH Vĩnh

01 ngày (thời gian quy định là 05 ngày); giải quyết thủ tục hành chính về đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh 21 ngày (thời gian quy định là 35 ngày).

<sup>5</sup> Tính đến nay có 237 dự án được cấp quyết định chủ trương đầu tư, với tổng vốn đăng ký là 64.000 tỷ đồng, trong đó có 110 dự án hoàn thành, tổng vốn thực hiện 13.000 tỷ đồng; Ngoài ra, có 122 dự án được các doanh nghiệp đang quan tâm lập thủ tục đầu tư với số vốn khoảng 52.224 tỷ đồng. Có 176 dự án điện mặt trời, điện gió được các nhà đầu tư quan tâm đăng ký với quy mô 24.300 MWp, dự kiến vốn đầu tư trên 715.497 tỷ đồng (trong đó: Có 20 dự án với công suất 1.400 MWp đã được phê duyệt bổ sung quy hoạch; có 17 dự án điện gió và 02 dự án điện mặt trời đã được phê duyệt chủ trương đầu tư và đang triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng, với tổng công suất 1.340,4 MW; 77 dự án với công suất 9.700 MWp đã trình Bộ Công Thương bổ sung quy hoạch; 79 dự án với công suất 13.200 MWp đang được khảo sát, nghiên cứu lập hồ sơ).

<sup>6</sup> Trên địa bàn tỉnh có khoảng 186.885 ha diện tích sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, 4C, Organic,...), có 15 dự án nông nghiệp có ứng dụng công nghệ cao với tổng vốn đăng ký 2.370 tỷ đồng

<sup>7</sup>) Đã hình thành 03 vùng liên kết sản xuất rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP; 01 vùng liên kết sản xuất bơ theo tiêu chuẩn VietGAP. Công ty Đồng Giao đã cùng 7 HTX nông nghiệp liên kết sản xuất với diện tích 409 ha (có 450 hộ tham gia); liên kết sản xuất với các hộ dân với diện tích là 1.373 ha (chanh dây 990 ha, cây dứa 162 ha, ngô ngọt 107 ha, đậu tương 72 ha, chuối tiêu hồng 42 ha); Tập đoàn Lộc Trời ký kết hợp đồng với một số HTX, tổ hợp tác, các doanh nghiệp hình thành chuỗi cung ứng - sản xuất - tiêu thụ nông sản.

Hiệp, Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao là 02 trong những doanh nghiệp đầu tiên của cả nước có lô hàng xuất khẩu sang châu Âu.

Trong 05 năm, đã trồng 25.271 ha rừng, gấp 6,3 lần so với Nghị quyết đề ra (4.000 ha); đến năm 2020, tỉ lệ che phủ rừng (kể cả cây cao su...) đạt 46,7% tăng 0,6% so với năm 2015.

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 về đích trước 1 năm. Đến cuối 2020 có 88 xã đạt chuẩn nông thôn mới, vượt 18 xã so với kế hoạch đề ra; có 97 thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố Pleiku được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa đã hoàn thiện hồ sơ trình Trung ương phê duyệt; có 149 sản phẩm OCOP đạt 3-4 sao.

4.5. Đã tập trung các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng để tạo điều kiện thu hút đầu tư, phát triển các ngành, lĩnh vực, nâng cao chất lượng tăng trưởng. Trong nhiệm kỳ đã đầu tư xây dựng một số hạ tầng quan trọng như: Cảng Quốc mòn, các Quốc lộ 14, 19, 25, 19C, đường Hồ Chí Minh đoạn tránh thành phố Pleiku, đoạn tránh thị trấn Chư Sê; đường liên huyện Chư Păh - Ia Grai - Đức Cơ - Chư Prông...; Hồ chứa nước Plei Thơ Ga, Hồ chứa nước Tàu Dầu 2, thủy lợi Plei Keo... Thành phố Pleiku được công nhận là đô thị loại I, thị trấn Chư Sê được công nhận là đô thị loại IV trực thuộc tỉnh.

Du lịch từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Khu Du lịch sinh thái lâm viên Biển Hồ – Chư Đăng Ya được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung vào danh mục các địa điểm tiềm năng phát triển khu du lịch Quốc gia; di tích khảo cổ Rộc Tưng - Gò Đá được công nhận là di tích quốc gia; tổ chức thành công Festival văn hóa cồng chiêng 2018; triển khai đầu tư các hạng mục thuộc di tích Tây Sơn Thượng đạo; di tích lịch sử cách mạng của tỉnh tại chiến khu Krong-Kbang. Tiếp tục đề nghị UNESCO công nhận “công viên địa chất toàn cầu” và khai quật di tích khảo cổ học sơ kỳ thời đá cũ lần đầu tiên được phát hiện ở Việt Nam (thị xã An Khê);

4.6. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được đảm bảo; giai đoạn 2016-2020 không xảy ra dịch bệnh lớn trên địa bàn.

Trước tình hình dịch Covid-19 xuất hiện trên địa bàn tỉnh (từ ngày 29/01/2021), UBND tỉnh và nhiều ngành đã làm việc cả các ngày Tết, ngày nghỉ chỉ đạo kịp thời, linh hoạt từng địa phương, từng tình huống; ưu tiên bảo vệ sức khoẻ nhân dân và thực hiện “mục tiêu kép”, xử lý các vướng mắc trong thu hoạch, giải cứu nông sản, hạn chế ở mức thấp nhất ảnh hưởng tiêu cực của dịch đến hoạt động kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân; tạo sự an tâm, tin tưởng, đồng lòng ủng hộ cũng như tuân thủ, thực hiện nghiêm túc các quy định phòng chống dịch của nhân dân.

4.7. Thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng quy định các chính sách đối với các đối tượng xã hội. Nhân kỷ niệm 70 năm Ngày thương binh liệt sỹ (27/7/1947- 27/7/2017), đã huy động 70 tỷ đồng hỗ trợ xây mới 680 nhà, sửa chữa 541 nhà.

Đến nay trên địa bàn tỉnh không còn hộ gia đình chính sách người có công với cách mạng ở nhà hư hỏng, dột nát hoặc không có nhà ở.

4.8. Công tác giảm nghèo được quan tâm chỉ đạo đạt nhiều kết quả quan trọng. Tỷ lệ hộ nghèo từ 19,71% năm 2015 giảm còn 5,38% vào cuối năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số từ 40,1% năm 2015, giảm còn 8,62% vào cuối năm 2020 (bình quân giảm 6,25%/năm).

4.9. Công tác quốc phòng, an ninh được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ và tổ chức thực hiện có hiệu quả; xây dựng, quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; công tác phân giới - cắm mốc đạt được kết quả quan trọng. Chủ động phối hợp phát hiện và xử lý tốt các tình huống, góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.

Trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, tai nạn giao thông giảm cả 3 chỉ số (xảy ra 1.253 vụ, làm 875 người chết, 1.279 người bị thương (so với nhiệm kỳ trước, giảm 46 vụ, 42 người chết, 178 người bị thương)). Các tranh chấp, khiếu kiện trong dân được giải quyết kịp thời, không để phát sinh “điểm nóng”<sup>(8)</sup>.

Thực hiện tốt công tác đối ngoại với các tỉnh Nam Lào và Đông Bắc Campuchia. Chủ động kết nối với các tổ chức ngoại giao, tổ chức quốc tế; cung cấp, trao đổi thông tin quảng bá, giới thiệu tiềm năng, vận động, kêu gọi đầu tư nước ngoài vào tỉnh (trong nhiệm kỳ có 531 đoàn 3.202 khách nước ngoài đến thăm, làm việc tại tỉnh cử và cho phép 215 đoàn với 1.100 lượt cán bộ, công chức đi công tác nước ngoài).

**II. Một số kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng-an ninh, đối ngoại nhiệm kỳ 2016-2021:** Trong 18 chỉ tiêu chủ yếu mà Nghị quyết HĐND tỉnh đề ra, có 15 chỉ tiêu đạt, vượt kế hoạch đề ra và 03 chỉ tiêu không đạt (thu nhập bình quân đầu người, kim ngạch xuất khẩu, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn).

### **1. Kinh tế phát triển khá, cơ cấu chuyển dịch theo hướng tích cực.**

- Kinh tế của tỉnh duy trì tốc độ tăng trưởng cao, bình quân hằng năm giai đoạn 2016 - 2020 tăng 7,55%; quy mô nền kinh tế năm 2020 gấp 1,63 lần so với năm 2015. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, đến năm 2020 tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 37,18% (giảm 2,86% so với năm 2015), công nghiệp - xây dựng chiếm 28,46% (tăng 1,69%), dịch vụ chiếm 34,36% (tăng 1,17%). GRDP bình quân đầu người đạt 51,9 triệu đồng, tăng 1,48%.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản hằng năm đạt 5,18%, đến năm 2020 giá trị sản xuất đạt 30.186 tỷ đồng, gấp 1,29 lần so với năm 2015.

Tỷ trọng chăn nuôi trong ngành nông nghiệp từ 10,25% năm 2015 lên 14,29% năm 2020. Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển theo hướng trang trại

<sup>(8)</sup> Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, toàn tỉnh xảy ra 81 vụ an ninh nông thôn (giảm 05 vụ so với nhiệm kỳ trước), trong đó giải quyết ổn định 41 vụ; không có vụ nào bị lôi kéo, kích động gây rối an ninh trật tự.

quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao<sup>(9)</sup>. Nuôi trồng thủy sản có bước phát triển<sup>(10)</sup>

- Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2020 gấp 1,48 lần so với năm 2015, tăng bình quân 8,2 %/năm. Nhiều nhà máy được xây dựng mới và nâng cấp<sup>(11)</sup>. Các dự án đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách không ngừng tăng lên cả về số lượng lẫn quy mô, lĩnh vực đầu tư ngày càng đa dạng.

Trên địa bàn tỉnh có 03 khu công nghiệp với tổng diện tích 622,95 ha. Khu Công nghiệp Trà Đa được đầu tư, mở rộng với diện tích 210,17 ha; hiện diện tích lấp đầy đạt 88%. Khu công nghiệp Nam Pleiku đang xây dựng kết cấu hạ tầng với diện tích 191,55 ha. Có 11 cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết với tổng diện tích 378,97 ha; 05 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động với tổng diện tích là 175,41 ha, thu hút 58 dự án với tổng vốn gần 1.000 tỷ đồng<sup>(12)</sup>.

- Hệ thống thương mại phát triển khá nhanh về số lượng, quy mô hoạt động ở cả thành thị, nông thôn. Nhiều siêu thị, chợ được đầu tư nâng cấp từ nguồn vốn xã hội hóa. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 2020 gấp 1,97 lần năm 2015, tăng bình quân hằng năm 14,57%. Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2020 đạt 580 triệu USD tăng gấp 1,87 lần, tăng bình quân hằng năm 13,35%.

Hoạt động du lịch có chuyển biến tích cực; tỉnh đã xây dựng các kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; ưu tiên đầu tư hạ tầng du lịch với mục tiêu đưa du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 108/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư du lịch, hoạt động xúc tiến du lịch, đào tạo nguồn nhân lực và phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh. Doanh thu du lịch tăng bình quân 12,3%/năm, lượng khách du lịch tăng bình quân 18,7%/năm.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân 13,95%/năm; đến cuối năm 2020 gấp 1,92 lần so với năm 2015. Mạng lưới đường bộ đã thông suốt với chiều dài 12.183 km, gồm 6 tuyến quốc lộ, 10 tuyến đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, xã, thôn và đường chuyên dùng. Có 352 công trình thủy lợi kiên cố với tổng năng lực thiết kế tưới gần 67.411 ha. 100% xã, phường, thị trấn đã có lưới điện quốc gia, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt xấp xỉ 100%. Hệ thống kết cấu hạ tầng

<sup>(9)</sup> Có 101 dự án chăn nuôi đang được nhà đầu tư quan tâm với vốn đầu tư khoảng 14.046 tỷ đồng. Trong đó: 16 dự án đã được cấp quyết định chủ trương đầu tư, 08 dự án đã đi vào hoạt động, với số lượng 21.664 con bò, 12.790 con heo.

<sup>(10)</sup> Diện tích tham gia hoạt động thủy sản là 15.040 ha, sản lượng đạt 6.515 tấn.

<sup>(11)</sup> Nhà máy đường An Khê nâng công suất, các nhà máy mới đi vào hoạt động như: Nhà máy chế biến tinh bột sắn Ia Pa (công suất 150 tấn tinh bột/ngày), Nhà máy chế biến tinh bột sắn Vạn Phát (công suất 200 tấn tinh bột/ngày), Nhà máy chế biến rau, quả và trái cây do Dovesco Gia Lai xây dựng và đã đi vào hoạt động; giai đoạn 2015 - 2020 một số dự án năng lượng hoàn thành, đưa vào vận hành, như: 08 dự án thủy điện với công suất 71,4 MW, 02 dự án điện sinh khối với công suất 132,6 MW, 02 dự án điện mặt trời với công suất 84 MWp...

<sup>(12)</sup> Có 17 dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động, 13 dự án đang xây dựng và 28 dự án đang lập dự án và đăng ký đầu tư.

trong các đô thị được quan tâm đầu tư; công tác chỉnh trang đô thị được chú trọng. Các đường giao thông chính, hệ thống điện, nước, mạng lưới viễn thông, cây xanh, vỉa hè được xây mới, cải tạo, mở rộng và nâng cấp.

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2016-2020 đạt 21.598,2 tỷ đồng, tốc độ tăng thu bình quân 7,02%/năm. Mạng lưới các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh không ngừng được củng cố và mở rộng<sup>(13)</sup>. Dư nợ tín dụng tăng bình quân hàng năm đạt 12%. Các ngành dịch vụ như: Bưu chính, viễn thông, vận tải, bảo hiểm, tư vấn đáp ứng yêu cầu ngày càng cao. Công tác quản lý nhà nước về bưu chính viễn thông ngày càng được tăng cường, tạo điều kiện cho thị trường bưu chính, viễn thông phát triển bền vững.

## **2. Quan tâm cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã.**

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính<sup>(14)</sup>. Toàn bộ 1.968 thủ tục hành chính của tỉnh được cung cấp theo dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2, trong đó có 173 thủ tục mức độ 3 (đạt 8,79%), 391 thủ tục mức độ 4 (đạt 19,87%) và được tích hợp tại Cổng Dịch vụ công của tỉnh. 17/17 UBND cấp huyện, 20/20 đơn vị cấp sở; 220/220 UBND cấp xã đã triển khai hệ thống “Một cửa điện tử”.

- Đến năm 2019 tỉnh đã hoàn thành việc sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn cho các doanh nghiệp nhà nước theo kế hoạch đề ra (cổ phần hóa, thoái vốn tại 05 doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý. Sắp xếp, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của 11 công ty lâm nghiệp theo phuong án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Kinh tế tập thể được chỉ đạo quyết liệt, có nhiều chuyển biến. Toàn tỉnh hiện có 319 hợp tác xã<sup>(15)</sup> (trong đó có 289 hợp tác xã hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012) và 02 liên hiệp hợp tác xã, với 17.987 thành viên; giải quyết việc làm cho 1.857 lao động. Nhiều hợp tác xã đã mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất cánh đồng lớn, ứng dụng công nghệ cao, liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Có 21 hợp tác xã với 26 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP.

## **3. An sinh xã hội được bảo đảm:**

Hệ thống an sinh xã hội phát triển đa dạng, ngày càng mở rộng và có hiệu quả. Công tác chăm lo cho các đối tượng bảo trợ xã hội được các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân quan tâm thực hiện. Thực hiện tốt chính sách đối với người

<sup>(13)</sup> Trên địa bàn tỉnh có 33 đơn vị ngân hàng, với 144 địa điểm giao dịch; 196 máy ATM và 1.088 máy POS.

<sup>(14)</sup> Từ năm 2016 đến nay, tỉnh đã ban hành 438 Quyết định công bố TTHC, công bố công khai 5.774 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, bao gồm: 2.634 TTHC mới, 1.233 TTHC sửa đổi, 1.907 TTHC bãi bỏ.

<sup>(15)</sup> Gồm: 259 HTX nông nghiệp, 27 HTX vận tải, 11 HTX công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp, 08 HTX xây dựng, 08 HTX thương mại, 06 quỹ tín dụng nhân dân.

có công với cách mạng, các gia đình thương binh, liệt sỹ<sup>(16)</sup>. Đã quy tập 178 hài cốt liệt sỹ về an táng tại các nghĩa trang liệt sỹ trong tỉnh.

Thực hiện kịp thời việc hỗ trợ người dân khó khăn do dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm đúng đối tượng, chống thất thoát, trực lợi chính sách.

Đã giải quyết việc làm cho 124.772 lao động, trong đó xuất khẩu được 6.990 lao động, bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho 24.954 lao động. Công tác dạy nghề nông thôn được tăng cường, đã đào tạo nghề cho 58.775 người, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề năm 2020 đạt 35,7%, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn tỉnh lên 55%, đạt kế hoạch đề ra.

- Các chính sách dân tộc được quan tâm thực hiện và đạt kết quả tích cực<sup>(17)</sup>. Đã huy động nhiều nguồn lực, lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa. Bộ mặt nông thôn chuyển biến rõ rệt, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng cao; văn hóa truyền thống của các dân tộc được gìn giữ và phát huy.

#### **4. Công tác chăm sóc sức khỏe và phòng, chống dịch bệnh cho nhân dân đạt kết quả tốt.**

- Tình hình phòng chống dịch Covid 19: Kể từ ngày ghi nhận ca bệnh Covid-19 đầu tiên (ngày 29/01/2021) đến nay, trên địa bàn tỉnh có 27 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 tại 04 địa phương (Ia Pa, Krông Pa, Phú Thiện và Ayun Pa). Từ ngày 12/02/2021 đến nay, trên địa bàn tỉnh không ghi nhận thêm ca dương tính mới. Đến nay, tất cả 27 trường hợp dương tính đã được điều trị khỏi và xuất viện.

- Công tác y tế dự phòng được triển khai đồng bộ. Mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở được củng cố và phát triển. Công tác xã hội hóa trong lĩnh vực y tế có chuyển biến tích cực<sup>(18)</sup>.

Các chương trình mục tiêu Y tế - Dân số triển khai có hiệu quả, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ hằng năm duy trì ở mức 97%; tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ dưới 5 tuổi giảm còn 18,9%. Đến cuối năm 2020, đạt 8

<sup>(16)</sup> Hiện tinh đang quản lý hơn 65.000 đối tượng người có công và thân nhân người có công với cách mạng; hằng năm chi trả trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng cho trên 28 nghìn lượt đối tượng bảo trợ xã hội và hộ gia đình nhận chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội.

<sup>(17)</sup> Tổ chức định canh định cư xen ghép cho 2.260 hộ, định canh định cư tập trung 10 điểm cho 664 hộ; trợ cước, trợ giá, cấp không thu tiền các mặt hàng chính sách đến các hộ dân kịp thời, góp phần phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống; Chương trình 135 đã xây dựng trên 1.790 công trình, hỗ trợ phát triển sản xuất cho 121.393 lượt hộ; chính sách theo Quyết định 755/QĐ-TTg được giải quyết kịp thời, đã cấp đất ở cho 370 hộ, đất sản xuất cho 413 hộ, hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề cho 4.204 hộ, nước sinh hoạt phân tán cho 6.442 hộ và duy tu bão dưỡng 225 công trình nước sinh hoạt tập trung, Chương trình 30a đã tập trung đầu tư cho 4 huyện nghèo.

<sup>(18)</sup> Các bệnh viện tư nhân (như: Bệnh viện Đại học Y Dược Hoàng Anh Gia Lai, Bệnh viện Mắt Cao Nguyên, Bệnh viện Mắt Quốc tế Sài Gòn - Gia Lai) được thành lập và trang bị nhiều thiết bị chẩn đoán, điều trị khá tốt, tạo uy tín trong nhân dân, Đã quyết định chủ trương đầu tư cho 02 bệnh viện (Sài Gòn Tây Nguyên và Hùng Vương) Các hoạt động liên doanh, liên kết tại bệnh viện công đã mang lại nhiều kết quả tích cực, đáp ứng nhu cầu về đổi mới trang bị kỹ thuật y tế, đặc biệt những trang thiết bị kỹ thuật cao, phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trong hoàn cảnh kinh phí Nhà nước chưa cung cấp đủ. Đến nay toàn tỉnh có 721 cơ sở hành nghề y tư nhân và 846 cơ sở hành nghề được tư nhân.

bác sỹ/vạn dân; 27,4 giường bệnh/vạn dân; 100% xã có bác sỹ; tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt trên 90% (kế hoạch là 61,3%); tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 11,5%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 91,05%.

### **5. Công tác giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ được quan tâm và nâng cao chất lượng:**

- Quy mô mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo tiếp tục mở rộng<sup>(19)</sup>; chất lượng dạy và học được nâng lên, tỷ lệ huy động học sinh đến lớp, học sinh khá, giỏi và tốt nghiệp phổ thông tăng đều qua các năm<sup>(20)</sup>; cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư<sup>(21)</sup>; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 50,13% (kế hoạch là 50%); chất lượng giáo dục vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có chuyển biến tích cực. Công tác xã hội hóa giáo dục ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm, đóng góp của toàn xã hội<sup>(22)</sup>. Trên địa bàn tỉnh đã hình thành các phân hiệu của Đại học Đông Á, Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Lâm nghiệp; Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Huế,... thường xuyên liên kết thực hiện các nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh....

Chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống được nâng lên; nhiều mô hình điểm về ứng dụng công nghệ cao được triển khai nhân rộng<sup>(23)</sup>. Đã xác lập 11 nhãn hiệu cộng đồng cho các sản phẩm mang tên địa danh của tỉnh như: Rau An Khê, Gạo Phú Thiện, Rau Đak Pơ, Phở khô Gia Lai, Khoai Lang Lệ Càn-Đak Đoa, Chôm chôm Ia Grai, Bò Krông Pa, Gạo Ia Lâu-Chư Prông, Chanh dây của tỉnh Gia Lai; chỉ dẫn địa lý Gạo Ba Chăm Mang Yang, chỉ dẫn địa lý Gia Lai cho sản phẩm Cà phê,...

### **6. Các hoạt động văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông hướng về cơ sở, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.**

Đến hết năm 2020, có 82% hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa, tăng 7% so với năm 2015 và 82% thôn, làng, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa, tăng 12% so với

<sup>(19)</sup> Đến nay, toàn tỉnh có 760 trường mầm non và phổ thông (266 trường mầm non, 208 trường tiểu học, 236 trường trung học cơ sở, 45 trường trung học phổ thông, 05 trường trung học cơ sở và trung học phổ thông).

<sup>(20)</sup> Năm học 2019 - 2020, cả tỉnh có 392.128 học sinh; tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo trong độ tuổi đến lớp đạt 88,5% (năm 2020 đạt 89%); tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp tiểu học đạt 99,9%, cấp THCS đạt 91,5%) tăng 13,7% so với năm 2015, THPT đạt 52%. Tiếp tục duy trì 100% xã, phường, thị trấn đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục TH, phổ cập THCS.

<sup>(21)</sup> Đã bố trí hơn 358 tỷ đồng đầu tư tăng cường cơ sở vật chất; xây dựng 38 phòng học mầm non, 131 phòng học tiểu học, 62 phòng học trung học cơ sở và 898 phòng ở công vụ cho giáo viên.

<sup>(22)</sup> Dự án phát triển giáo dục mầm non do Chính phủ New Zealand tài trợ nhằm cải thiện và duy trì kết quả phát triển của trẻ em, đặc biệt là trẻ em dân tộc thiểu số với kinh phí 9,5 triệu USD; Chương trình vệ sinh nước sạch nông thôn nguồn vốn Chính phủ vay WB hỗ trợ 19,7 tỷ để xây dựng, cải tạo 63 công trình vệ sinh nước sạch ở các trường thuộc vùng khó khăn.

<sup>(23)</sup> Mô hình sản xuất rau sạch trong nhà lưới, ứng dụng công nghệ cao của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hương Đất An Phú; mô hình trồng rau sạch trong nhà lưới, ứng dụng công nghệ cao tại phường An Bình, thị xã An Khê; mô hình trồng hoa trong nhà lưới, ứng dụng công nghệ cao tại phường Ngô Mây, thị xã An Khê; mô hình các trại chăn nuôi (heo, gà) gia công của Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam; mô hình chăn nuôi bò thịt và bò sữa của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai...

năm 2015; hệ thống thiết chế cơ sở đã có sự phát triển<sup>(24)</sup>. Công tác bảo tàng, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa truyền thống được quan tâm, gắn với phát triển du lịch địa phương và bảo vệ tài nguyên môi trường<sup>(25)</sup>. Thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển thể dục thể thao. Công tác xã hội hóa lĩnh vực văn hóa, thể thao được đẩy mạnh. Đến năm 2020 tỷ lệ người dân tham gia luyện tập TDTT thường xuyên đạt 33% tổng dân số.

Hệ thống thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước đảm bảo thông suốt, kịp thời<sup>(26)</sup>, tỉnh đã quan tâm đầu tư hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước<sup>(27)</sup>. Hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình có những bước phát triển đáng kể, góp phần tích cực vào việc tuyên truyền và cung cấp thông tin kịp thời cũng như đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

### **7. Lĩnh vực tài nguyên môi trường:**

Tài nguyên khoáng sản được quản lý theo quy hoạch, kế hoạch, đúng quy định của pháp luật. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cơ bản đáp ứng được yêu cầu của xã hội, góp phần đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân<sup>(28)</sup>.

Đã lồng ghép kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương và triển khai thực hiện hiệu quả. Các cơ sở sản xuất kinh doanh từng bước quan tâm đầu tư xử lý môi trường, lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc tự động nhằm giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đạt trên 99% (kế hoạch là trên 99%); tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch đạt 97% (kế hoạch là 95%).

<sup>(24)</sup> Đến nay, toàn tỉnh có 01 Trung tâm Văn hóa tỉnh; 05 nhà văn hóa các ngành; 05 điểm vui chơi trẻ em cấp tỉnh; 220 nhà văn hóa cấp xã, phường (trong đó có 104 nhà văn hóa xã được xây dựng riêng); 1.489 nhà văn hóa thôn, làng; 18 điểm vui chơi trẻ em cấp huyện; 220 điểm vui chơi trẻ em cấp xã, phường; 17 nhà văn hóa huyện, 910 nhà văn hóa thôn, làng, tổ dân phố, 673 nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, làng, tổ dân phố; 163 điểm bưu điện văn hóa xã.

<sup>(25)</sup> Toàn tỉnh hiện có 01 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận (không gian văn hóa cổng chiêng Tây Nguyên), 29 di tích đã được xếp hạng, trong đó có 15 di tích quốc gia; 14 di tích cấp tỉnh; ...

<sup>(26)</sup> Mạng lưới bưu chính đã phủ kín địa bàn tỉnh với bán kính phục vụ bình quân là 4,16 km/điểm, có 218/220 đơn vị hành chính cấp xã có bão đến trong ngày (đạt tỷ lệ 99,1%). Tỷ lệ xã có điểm bưu điện văn hóa cấp xã đạt 89% (162 xã có điểm BDVHX/182 xã). Đến nay, hạ tầng viễn thông, Internet hiện đại đã phủ rộng khắp trên địa bàn tỉnh với 100% các xã, phường, thị trấn trong tỉnh đã có sóng điện thoại 2G, 3G, 4G chiếm 100%; 100% đơn vị cấp xã được kết nối cáp quang tới trung tâm.

<sup>(27)</sup> Tỉnh đã đầu tư công nghệ thông tin đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã theo đúng Khung kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã được phê duyệt; các hệ thống dùng chung như: Trung tâm Tích hợp dữ liệu, mạng điện rộng WAN, quản lý văn bản và điều hành, một cửa điện tử liên thông, như điện tử công vụ, hội nghị truyền hình, quản lý giao việc, Cổng dịch vụ công, xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4, mảnh giá chất lượng dịch vụ hành chính công, xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin các ngành, lĩnh vực dựa trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS).

<sup>(28)</sup> Đến nay công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (lần đầu) đạt 96,91% diện tích cần cấp (cấp cho tổ chức đạt 99,98%; cấp cho hộ gia đình, cá nhân đạt 92,67 %).

**8. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các biện pháp ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an ninh biên giới, công tác đối ngoại; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc của xã hội:**

Công tác quân sự, quốc phòng địa phương được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động của khu vực phòng thủ; chủ động phối hợp phát hiện và xử lý tốt các tình huống<sup>(29)</sup>. Tăng cường sức mạnh tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tổ chức thành công diễn tập phòng thủ các cấp. Công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng được triển khai thực hiện nghiêm. Giai đoạn 2016-2020 đã tuyển, giao quân được 12.789 công dân, đạt 100% kế hoạch đề ra. Chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới được giữ vững ổn định. Công tác xây dựng nền biền phòng toàn dân và thế trận biền phòng toàn dân vững mạnh được quan tâm, phát huy tốt sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và quần chúng nhân dân.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng; ý thức cảnh giác của cán bộ, đảng viên trước âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch được nâng lên; chủ động phát hiện, xử lý, ngăn chặn kịp thời các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; tăng cường công tác đảm bảo an ninh văn hóa - tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh thông tin và an ninh mạng. Kịp thời phát hiện, xử lý các hệ loại đối tượng và các vấn đề phức tạp trên không gian mạng.

Các chương trình mục tiêu quốc gia về phòng, chống tội phạm được triển khai đồng bộ; chủ động đấu tranh, phòng, chống và làm giảm các loại tội phạm, tệ nạn xã hội<sup>(30)</sup>. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự của các cấp chính quyền được nâng lên; phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và người dân tham gia đấu tranh phòng, chống, kéo giảm tội phạm và giảm thiểu tai nạn giao thông.

**III. Những hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm:**

**1. Hạn chế:** Mặc dù đã có nhiều nỗ lực, cố gắng, song kết quả thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh trong nhiệm kỳ 2016-2021 vẫn còn những hạn chế nhất định, cụ thể như:

- Tác động của dịch Covid -19 năm 2020 và đặc biệt 3 tháng đầu năm 2021 xảy ra trên địa bàn tỉnh gây ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân.

- Tuy UBND tỉnh chỉ đạo rất quyết liệt nhưng một số chủ trương, chỉ đạo của

<sup>(29)</sup> Diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh/01 lần, cấp huyện 17/17, chiến đấu phòng thủ cấp xã 222/222; phòng, chống lụt bão, cứu hộ, cứu nạn huyện Ia Pa và thị xã Ayun Pa; diễn tập thực nghiệm “TNg-18” cho Bộ Quốc phòng. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt 1,57% so với dân số; sắp xếp quân nhân dự bị vào các đơn vị dự bị động viên đạt 99,8%, phương tiện kỹ thuật đạt 98,15%; giao quân đạt 100% (14.099 công dân). Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho 233.037 lượt người.

<sup>(30)</sup> Theo tinh thần Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đối với công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh ủy, HĐND tỉnh chậm được triển khai thực hiện (như đề án tái cơ cấu nông nghiệp; bảo tồn và phát triển cây dược liệu; phát triển sản xuất rau, hoa và cây ăn quả; rà soát hiện trạng, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng; xây dựng khung giá rừng; tiến độ thực hiện, giải ngân vốn xây dựng cơ bản tuy có cố gắng nhưng chưa đáp ứng yêu cầu; công tác quản lý bảo vệ rừng, khai thác tài nguyên khoáng sản,...) các vấn đề này UBND tỉnh đều nghiêm khắc phê bình các cá nhân, tập thể có liên quan và tổ chức chấn chỉnh.

- Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch có nơi còn buông lỏng. Chất lượng tăng trưởng kinh tế của tỉnh chưa cao, mức độ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và du lịch. Các mặt hàng xuất khẩu vẫn chủ yếu là nông sản thô, giá trị kinh tế còn thấp.

- Huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển còn khó khăn, nhiều dự án thu hút đầu tư chậm triển khai và còn nhiều vướng mắc, chậm tiến độ. Thu ngân sách vẫn chưa đủ cân đối chi trên địa bàn, tỷ lệ nhận sự trợ cấp từ ngân sách Trung ương còn cao.

- Tuy số lượng doanh nghiệp tăng nhưng quy mô, chất lượng chưa cao, gặp khó khăn về vốn, nhân lực quản lý để phát triển. Hoạt động của các hợp tác xã, nhất là hợp tác xã nông nghiệp còn hạn chế.

- Công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường có lúc, có nơi còn buông lỏng. Một số vụ việc khiếu nại về đất đai còn kéo dài.

- Kết quả giảm nghèo chưa thật sự bền vững. Trình độ và tiềm lực khoa học công nghệ còn thấp, việc ứng dụng khoa học công nghệ vào trong đời sống và trong sản xuất còn chưa nhiều. Nhân lực, cơ sở vật chất trang thiết bị ngành y tế chuyên sâu chưa đáp ứng được yêu cầu, còn lúng túng khi xảy ra tình huống. Chất lượng giáo dục giữa các vùng, các địa phương còn chênh lệch lớn.

- Công tác nắm, phân tích, dự báo tình hình và triển khai các chủ trương, giải pháp bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh trong một số thời điểm, trên một số lĩnh vực chưa cụ thể, kịp thời theo hướng chuyên sâu. An ninh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Các loại tội phạm, nhất là tội phạm về ma túy còn phức tạp. Tai nạn giao thông tuy được kiềm chế nhưng chưa bền vững và còn ở mức cao.

- Một số kiến nghị của cử tri về đầu tư, xây dựng cơ bản là chính đáng, nhưng do không có đủ nguồn lực hoặc thuộc thẩm quyền của các bộ, ngành trung ương nên UBND tỉnh chưa thể đáp ứng đủ yêu cầu, nguyện vọng.

- Việc rà soát, đề xuất nội dung trình kỳ họp HĐND tỉnh quyết định có lúc chưa kịp thời, chưa đầy đủ hồ sơ. Trong nhiệm kỳ, UBND tỉnh phải xin rút 32 tờ trình do trách nhiệm của các sở, ngành tham mưu. Tại các buổi thẩm tra của các Ban của HĐND tỉnh, đại diện lãnh đạo nhiều sở, ngành liên quan không tham dự đầy đủ nên không nắm được thông tin, các ý kiến tham gia thẩm tra để kịp thời tiếp thu, hoàn chỉnh và báo cáo UBND tỉnh.

**2. Nguyên nhân:** Những hạn chế, yếu kém nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có một số nguyên nhân chủ yếu là:

### 2.1. Nguyên nhân khách quan:

- Kinh tế nước ta tiếp tục hội nhập sâu rộng với sự cạnh tranh gay gắt và xu hướng bảo hộ gia tăng trong khi trình độ, năng lực của doanh nghiệp, đội ngũ cán bộ liên quan của tỉnh chưa đáp ứng đủ yêu cầu. Một số chính sách thuế mới của Trung ương ban hành đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc huy động nguồn thu ngân sách địa phương.

- Đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, giá cả các mặt hàng nông sản chủ lực biến động giảm mạnh, xảy ra dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi đã ảnh hưởng lớn đến đời sống, sản xuất của nhân dân và sự phát triển kinh tế của địa phương (Tổng thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh từ năm 2016 đến năm 2020 ước khoảng 2.257 tỷ đồng và làm 19 người tử vong, 01 người mất tích, 28 người bị thương. Tổng diện tích cây hò tiêu bị thiệt hại năm 2018 do mưa lớn kéo dài tập trung tại 09 huyện, thành phố là 6.730,5 ha, ước tổng thiệt hại 3.770 tỷ đồng với trên 30.117 hộ bị ảnh hưởng. Dịch tả lợn Châu Phi năm 2019, 2020 xảy ra trên 15/17 địa phương, với 3.442 ổ dịch, 30.293 con lợn bị tiêu hủy, tổng khối lượng tiêu hủy 1.508 tấn).

- Cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ; trình độ dân trí thấp, tỷ lệ hộ nghèo, nhất là hộ nghèo người dân tộc thiểu số còn cao. Các chính sách hỗ trợ, chương trình mục tiêu quốc gia thấp, huy động đóng góp của cộng đồng khó khăn nên thiếu tính bền vững.

- Các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước, nhất là số FULRO, “Tin lành Đê Ga” chưa từ bỏ âm mưu, ý đồ chống phá. Còn tiềm ẩn phức tạp về an ninh trật tự, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa được giải quyết triệt để.

### 2.2. Nguyên nhân chủ quan:

- Trách nhiệm của một số thành viên UBND tỉnh, người đứng đầu các ngành, địa phương chưa cao, còn thiếu gương mẫu, buông lỏng quản lý, để xảy ra sai phạm. Hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành một số nơi chưa đạt yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; thiếu nhất quán trong công tác phối hợp, dùn đầy, né trách trọng tham mưu đề xuất giải pháp triển khai thực hiện. Một số văn bản ban hành thiếu tính đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả thấp.

- Công tác cải cách hành chính và thủ tục hành chính ở từng lĩnh vực cụ thể còn nhiều bất cập và chưa đồng bộ. Một số cán bộ chính quyền các cấp, các cơ quan chuyên môn còn yếu về năng lực, nhất là đội ngũ cán bộ cấp xã. Việc phân công, phân nhiệm trong tập thể lãnh đạo ở một số đơn vị, địa phương còn thiếu khoa học, không rõ ràng, không phát huy được tinh thần trách nhiệm; chưa phục vụ tốt nhân dân và các tổ chức, doanh nghiệp.

- Trong quá trình xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chưa dự báo đầy đủ tình hình và khả năng nguồn lực đảm bảo;

chỉ đạo tổ chức thực hiện có lúc chưa kiên trì, quyết liệt. Việc thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao còn chậm. Công tác tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của tỉnh gặp nhiều khó khăn.

- Việc cụ thể hoá một số chủ trương thành các chính sách cụ thể còn chậm, chưa kịp thời.

**3. Một số bài học kinh nghiệm:** Qua các kết quả đạt được và các tồn tại, hạn chế nêu trên, UBND tỉnh rút ra một số bài học kinh nghiệm để làm cơ sở xây dựng các chương trình hoạt động cụ thể, đề ra các giải pháp hiệu quả, sát thực hơn nhằm nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả của công tác chỉ đạo, điều hành trong thời gian tới

- Thực hiện nghiêm quy chế làm việc của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Quán triệt sâu sắc, bám sát vào các chủ trương chỉ đạo của Trung ương, cấp uỷ Đảng, Nghị quyết của HĐND, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong việc chỉ đạo và điều hành công việc. Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa Thường trực HĐND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh và UBND tỉnh.

- Nâng cao vị trí, vai trò năng lực, trách nhiệm của người đứng đầu, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Xây dựng đội ngũ công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức, có trình độ, năng lực, có tâm huyết; tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu quả.

- Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đảm bảo quốc phòng-an ninh để làm cơ sở cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà. Giải quyết tốt việc bảo vệ môi trường sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu; coi khoa học - công nghệ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực là nền tảng quan trọng, là động lực cho phát triển.

- Cải cách thủ tục hành chính nhà nước phải được tiến hành đồng bộ, là khâu đột phá có ý nghĩa to lớn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với tổ chức và cá nhân, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong giải quyết công việc hành chính có liên quan tổ chức và cá nhân.

- Khai thác, phát huy những tiềm năng, lợi thế sẵn có gắn với đổi mới, sáng tạo, vận dụng linh hoạt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn của địa phương để huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tranh thủ mọi nguồn lực nhất là sự hỗ trợ của Chính phủ, các bộ ngành, trung ương để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Bên cạnh việc phát động, triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước phải chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện, chấn chỉnh và xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với các hành vi sai phạm.

Trên đây là báo cáo những nội dung cơ bản về công tác chỉ đạo, điều hành và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh nhiệm kỳ 2016-2021, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh nhiệm kỳ 2016-2021 (khóa XI) xem xét cho ý kiến.

**Noi nhận:**

- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, chuyên viên các khối, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Tiến Đông**

**TỈNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016-2020**



STT	ĐVT	Mục tiêu KH 2016- TH 2020	Thời kỳ 2016-2020					Tốc độ tăng BQ 2016-2020 (%)	So với mục tiêu đạt hay không đạt
			TH 2016	TH 2017	TH 2018	TH 2019	TH 2020		
I	Chỉ tiêu kinh tế *								
1	-Tốc độ tăng trưởng	%	7,54	7,5	7,81	8,0	8,2	6,30	7,55
	Trong đó:								
	- Nông, lâm, ngư nghiệp	%	5,57	5,40	6,51	5,73	5,53	5,91	5,78
	- Công nghiệp, xây dựng	%	8,49	8,53	7,94	9,69	9,69	6,66	8,65
	- Dịch vụ	%	8,75	8,40	8,75	8,64	8,64	6,60	8,23
2	Cơ cấu GRDP (giá thực tế )		100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	Đạt
	- Nông, lâm, ngư nghiệp	%	37,25	39,41	38,75	37,94	37,34	37,18	
	- Công nghiệp, xây dựng	%	28,90	27,40	27,73	28,19	28,42	28,46	
	- Dịch vụ	%	33,85	33,19	33,52	33,87	34,25	34,36	
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	54,8	37,43	38,62	44,23	48,44	51,9	Không đạt
4	Kim ngạch xuất khẩu	Tr.USD	630	343	450	470	500	580	13,35
5	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	4.650,0	3.696	4.263	4.500,9	4.556,0	4.582,0	7,02
6	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	70	27	46	57	70	88	Vượt
II	Chỉ tiêu xã hội								
7	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,20	1,23	1,18	1,20	1,20	1,15	Vượt
8	Tỷ lệ hộ nghèo	%	7,00	16,55	13,34	10,04	7,04	5,38	Vượt
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	55	43,0	46,0	49,0	52,0	55,0	Đạt
10	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	50,0	27,31	30,42	36,8	45,57	50,13	Vượt
11	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	89,0	86,00	87,50	88,00	88,50	89,0	Đạt

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thời kỳ 2016-2020					Tốc độ tăng BQ 2016-2020 (%)	So với mục tiêu đạt hay không đạt	
			Mục tiêu KH 2016-2020	TH 2016	TH 2017	TH 2018	TH 2019			
12	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc THCS		91,50	81,50	84,00	87,00	90,0	91,5		Đạt
13	Số bác sĩ/ 1 vạn dân	Bác sĩ	8,00	7,34	7,69	7,73	7,70	8,0		Vượt
14	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí quốc gia về y tế	%	61,3	61,26	73,0	80,63	88,29	90,0		Đạt
15	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	90,1	83,98	88,0	88,7	89,0	91,05		
16	Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia	%	100	>99	>99	>99	>99	>99		Vượt
<b>III Chi tiêu Tài nguyên - Môi trường và phát triển bền vững</b>										
17	Tỷ lệ che phủ rừng	%	46,6	46,2	46,25	46,35	46,45	46,7		Vượt
	- Diện tích trồng rừng	Ha/năm	800,0	2.172	6.719	6.284	5.097	5.000		
18	Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh									
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh	%	95	90,00	91,30	93,20	94,0	97		Đạt
	- "Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch	%	>99	>99	>99	>99	>99	>99		Đạt